



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ MIỀN BẮC**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017**



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC

Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 20

0100
C
RÁCH
DE
VI
3/NG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC

Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Hồng Dung	Chủ tịch
Bà Hoàng Thị Thu Hằng	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Luận	Ủy viên
Ông Trần Anh Dũng	Ủy viên
Ông Đoàn Quốc Thịnh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Luận	Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Đoàn	Phó Giám đốc
Ông Phạm Trần Nguyễn	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

1125
NG
NHIỆM
LOI
T M
9A -

th

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Luận
Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2018

Số: 480 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 02 năm 2018, từ trang 04 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 26 tháng 02 năm 2018
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2737-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		144.291.844.313	170.581.669.614
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	120.524.790.382	150.834.263.839
1. Tiền	111		12.428.961.028	10.914.773.783
2. Các khoản tương đương tiền	112		108.095.829.354	139.919.490.056
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.082.205.161	12.510.311.433
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	3.826.014.540	9.484.726.270
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	12.786.236.913	2.588.590.364
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		469.953.708	436.994.799
III. Hàng tồn kho	140	7	5.362.189.458	6.974.580.760
1. Hàng tồn kho	141		5.407.742.357	7.021.099.284
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(45.552.899)	(46.518.524)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.322.659.312	262.513.582
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		494.180.788	262.513.582
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	828.478.524	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		29.258.729.723	22.356.455.321
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		83.374.000	98.374.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		83.374.000	98.374.000
II. Tài sản cố định	220		18.963.232.508	17.759.237.907
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	18.918.458.737	17.691.704.136
- Nguyên giá	222		38.761.094.050	34.710.443.256
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.842.635.313)	(17.018.739.120)
2. Tài sản cố định vô hình	227		44.773.771	67.533.771
- Nguyên giá	228		116.950.000	116.950.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(72.176.229)	(49.416.229)
III. Tài sản dài hạn khác	260		10.212.123.215	4.498.843.414
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	8.430.634.986	2.869.401.151
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	10	1.781.488.229	1.629.442.263
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		173.550.574.036	192.938.124.935

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		22.612.365.585	38.098.559.057
I. Nợ ngắn hạn	310		22.612.365.585	38.098.559.057
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	6.780.732.822	8.768.222.031
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		742.835.230	7.938.980.424
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	327.363.221	2.285.538.267
4. Phải trả người lao động	314		816.399.207	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	3.336.304.893	3.871.248.215
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	8.575.982.791	12.211.334.782
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.032.747.421	3.023.235.338
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		150.938.208.451	154.839.565.878
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	150.938.208.451	154.839.565.878
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.032.669.580	10.032.669.580
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.905.538.871	24.806.896.298
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		10.383.608.638	9.302.238.846
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		10.521.930.233	15.504.657.452
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		173.550.574.036	192.938.124.935

Hưng

Nguyễn Tiến Hưng
Người lập biểu

Ngày 26 tháng 02 năm 2018

Trần Anh Dũng

Trần Anh Dũng
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Luận

Nguyễn Ngọc Luận
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	1.290.136.758.296	1.316.293.247.095
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		19.979.382.962	20.555.618.631
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	17	1.270.157.375.334	1.295.737.628.464
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	1.205.376.868.677	1.218.888.833.374
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		64.780.506.657	76.848.795.090
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.148.675.209	3.184.037.574
7. Chi phí tài chính	22		31.520.548	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		31.520.548	-
8. Chi phí bán hàng	25	20	38.958.117.819	39.012.262.019
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	15.653.462.297	15.172.134.637
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		13.286.081.202	25.848.436.008
11. Thu nhập khác	31	21	3.223.982.038	87.553.608
12. Lợi nhuận khác (40=31)	40		3.223.982.038	87.553.608
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		16.510.063.240	25.935.989.616
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	3.509.696.414	5.034.564.395
15. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(152.045.966)	228.548.619
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		13.152.412.792	20.672.876.602
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	877	1.376

Nguyễn Tiên Hưng
Người lập biểu

Trần Anh Dũng
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Luận
Giám đốc

Ngày 26 tháng 02 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	16.510.063.240	25.935.989.616
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.923.084.619	2.636.606.116
Các khoản dự phòng	03	(965.625)	46.515.524
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(3.171.802.482)	(3.184.037.574)
Chi phí lãi vay	06	31.520.548	-
Các khoản điều chỉnh khác	07	(2.386.000.000)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	13.905.900.300	25.435.073.682
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(4.361.879.950)	(393.356.916)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.613.356.927	44.450.182.469
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(12.623.889.203)	4.208.392.882
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(5.792.901.041)	1.022.003.376
Tiền lãi vay đã trả	14	(31.520.548)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.209.991.290)	(5.966.482.455)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	500.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.644.258.136)	(6.425.020.910)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(17.145.182.941)	62.331.292.128
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.741.079.220)	(207.503.700)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	23.127.273	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.953.661.431	3.173.738.035
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.235.709.484	2.966.234.335
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	35.400.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(35.400.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.400.000.000)	(18.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(14.400.000.000)	(18.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(30.309.473.457)	47.297.526.463
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	150.834.263.839	103.536.737.376
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	120.524.790.382	150.834.263.839

Hưng

Nguyễn Tiến Hưng
Người lập biểu

Ngày 26 tháng 02 năm 2018

Trần Anh Dũng

Trần Anh Dũng
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Luận

Nguyễn Ngọc Luận
Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc ("Công ty"), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102886450 thay đổi lần thứ 09 ngày 18 tháng 8 năm 2015 (cấp lần đầu ngày 19 tháng 8 năm 2008) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102886450 ngày 19 tháng 8 năm 2008.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 76 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 73 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn, bán lẻ phân bón (trừ loại Nhà nước cấm); Bán buôn, bán lẻ hóa chất được phép lưu hành (không bao gồm hóa chất thú y, hóa chất y tế và hóa chất bảo vệ thực vật); Quảng cáo; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm); Tổ chức giới thiệu xúc tiến thương mại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ kho bãi; Bán buôn hàng nông, lâm sản nguyên liệu (trừ loại lâm sản Nhà nước cấm); Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Dịch vụ tư vấn hỗ trợ sản xuất nông nghiệp (trừ loại Nhà nước cấm).

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và sản phẩm hóa chất.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua hàng hóa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 15
Máy móc thiết bị	4
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Tài sản cố định khác	4

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị bản quyền trang web, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, bản quyền trang web được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê văn phòng trả trước và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện số tiền thuê văn phòng cho nhiều kỳ đã được thanh toán cho bên cho thuê. Tiền thuê văn phòng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí trả trước khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	194.434.988	191.395.158
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.234.526.040	10.723.378.625
Các khoản tương đương tiền (*)	108.095.829.354	139.919.490.056
	<u>120.524.790.382</u>	<u>150.834.263.839</u>

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 01 tháng đến dưới 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,3% đến 5,2%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	3.706.484.261	3.484.092.883
Công ty Cổ phần Thương mại Thiệu Yên Thanh Hoá	33.630.663	1.223.060.690
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Thương mại Tổng hợp Thanh Sơn	12.507.000	2.541.553.500
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hồng Thắng	-	1.403.964.950
Các khách hàng khác	73.392.616	832.054.247
	3.826.014.540	9.484.726.270
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	3.718.991.261	6.025.646.383

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	12.779.211.913	2.456.379.664
Các nhà cung cấp khác	7.025.000	132.210.700
	12.786.236.913	2.588.590.364
Trả trước cho các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	12.779.211.913	2.456.379.664

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Dự phòng</u> VND	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Dự phòng</u> VND
Công cụ, dụng cụ	14.393.600	-	51.986.537	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	188.625.250	-	-	-
Hàng hoá	5.204.723.507	(45.552.899)	6.969.112.747	(46.518.524)
Cộng	5.407.742.357	(45.552.899)	7.021.099.284	(46.518.524)

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	28.077.312.198	128.128.000	3.970.743.617	1.990.966.241	543.293.200	34.710.443.256
Mua sắm mới	-	-	1.741.079.220	-	-	1.741.079.220
Tặng khác	-	-	2.386.000.000	-	-	2.386.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(76.428.426)	-	(76.428.426)
Số dư cuối năm	28.077.312.198	128.128.000	8.097.822.837	1.914.537.815	543.293.200	38.761.094.050
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	12.272.713.603	32.032.002	2.721.331.396	1.686.780.606	305.881.513	17.018.739.120
Khấu hao trong năm	1.975.574.824	32.032.000	630.223.453	126.671.042	135.823.300	2.900.324.619
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(76.428.426)	-	(76.428.426)
Số dư cuối năm	14.248.288.427	64.064.002	3.351.554.849	1.737.023.222	441.704.813	19.842.635.313
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày cuối năm	13.829.023.771	64.063.998	4.746.267.988	177.514.593	101.588.387	18.918.458.737
Tại ngày đầu năm	15.804.598.595	96.095.998	1.249.412.221	304.185.635	237.411.687	17.691.704.136

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 3.020.652.596 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 3.097.081.022 đồng).

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền thuê văn phòng, thuê kho	6.434.879.593	987.036.900
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.995.755.393	1.882.364.251
	8.430.634.986	2.869.401.151

10. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

	Chi phí trích trước chưa có hóa đơn VND	Chiết khấu thương mại tạm tính VND	Tổng cộng VND
Tại ngày đầu năm	774.249.643	855.192.620	1.629.442.263
Hoàn nhập thu nhập thuế thu nhập hoãn lại năm trước	(774.249.643)	(855.192.620)	(1.629.442.263)
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trong năm	667.260.979	1.114.227.250	1.781.488.229
Tại ngày cuối năm	667.260.979	1.114.227.250	1.781.488.229

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số có		Số có	
	Số cuối năm VND	khả năng trả nợ VND	Số đầu năm VND	khả năng trả nợ VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	-	6.586.324.931	6.586.324.931
Các nhà cung cấp khác	6.780.732.822	6.780.732.822	2.181.897.100	2.181.897.100
	6.780.732.822	6.780.732.822	8.768.222.031	8.768.222.031
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	104.747.427		6.586.324.931	

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Lũy kế cả năm			
	Tại ngày đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Tại ngày cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	828.478.524	-	828.478.524
Cộng	-	828.478.524	-	828.478.524

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Lũy kế cả năm			
	Tại ngày đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Tại ngày cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán	86.825.541	415.065.162	279.471.517	222.419.186
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.871.816.352	3.509.696.414	5.381.512.766	-
Thuế thu nhập cá nhân	326.896.374	1.575.418.378	1.797.370.717	104.944.035
Cộng	2.285.538.267	5.500.179.954	7.458.355.000	327.363.221

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả cán bộ nhân viên Công ty	3.250.622.593	3.725.174.004
Chi phí phải trả khác	85.682.300	146.074.211
	3.336.304.893	3.871.248.215

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	5.571.136.250	4.275.963.100
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.500.000.000	7.660.000.000
Tài sản thừa chờ giải quyết	100.371.559	-
Kinh phí công đoàn	63.389.672	67.350.608
Phải trả ngắn hạn khác	341.085.310	208.021.074
	8.575.982.791	12.211.334.782

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	8.999.025.750	29.086.251.184	158.085.276.934
Lợi nhuận trong năm	-	-	20.672.876.602	20.672.876.602
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(5.918.587.658)	(5.918.587.658)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	1.033.643.830	(1.033.643.830)	
Trả cổ tức	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	120.000.000.000	10.032.669.580	24.806.896.298	154.839.565.878
Số dư đầu năm nay	120.000.000.000	10.032.669.580	24.806.896.298	154.839.565.878
Lợi nhuận trong năm	-	-	13.152.412.792	13.152.412.792
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(2.653.770.219)	(2.653.770.219)
Chia cổ tức (i)	-	-	(14.400.000.000)	(14.400.000.000)
Số dư cuối năm nay	120.000.000.000	10.032.669.580	20.905.538.871	150.938.208.451

- (i) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 15/NQ-ĐHCD ngày 04 tháng 4 năm 2017, cổ tức năm 2016 được Đại Hội đồng cổ đông phê duyệt là 14.400.000.000 đồng. Số cổ tức trên đã được Công ty thanh toán hết bằng tiền trong năm 2017. Đồng thời, Công ty cũng thực hiện trích lập bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016 với số tiền là 23.287.660 đồng, tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền lần lượt là 2.630.482.559 đồng tương ứng lần lượt với 20% lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102886450 thay đổi lần thứ 09 ngày 18 tháng 8 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	VND	%	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	90.000.000.000	75,00%	90.000.000.000	90.000.000.000
Các cổ đông khác	30.000.000.000	25,00%	12.000.000.000	12.000.000.000
	120.000.000.000	100%	120.000.000.000	120.000.000.000

112
DN
NH
LC
ET
DA

Hw

16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 17 và 18.

Trong năm, các sản phẩm phân bón của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở khu vực Miền Bắc, Công ty không có hoạt động xuất khẩu, theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Doanh thu Ure Phú Mỹ	932.487.887.500	1.017.316.887.000
Doanh thu hàng hóa khác	332.968.260.750	274.661.275.250
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.680.610.046	24.315.084.845
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.290.136.758.296	1.316.293.247.095
Chiết khấu thương mại	(19.979.382.962)	(20.555.618.631)
Doanh thu thuần	1.270.157.375.334	1.295.737.628.464
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	277.042.916.757	396.446.519.508

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Giá vốn Ure Phú Mỹ	872.971.849.539	934.458.264.489
Giá vốn hàng hóa khác	309.434.693.789	262.039.263.623
Giá vốn cung cấp dịch vụ	22.970.325.349	22.391.305.262
	1.205.376.868.677	1.218.888.833.374

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí nhân công	22.899.337.322	21.646.921.793
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.923.084.619	2.636.606.116
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.106.084.435	55.841.223.895
Chi phí khác bằng tiền	3.512.384.455	3.743.335.513
	76.440.890.831	83.868.087.317

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên bán hàng	14.568.391.335	14.058.426.677
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.079.256.934	400.412.068
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.520.554.720	2.251.800.831
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.502.489.680	21.144.041.714
Chi phí bằng tiền khác	1.287.425.150	1.157.580.729
	38.958.117.819	39.012.262.019
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	8.330.945.987	7.588.495.116
Chi phí đồ dùng văn phòng	415.230.525	311.652.408
Chi phí khấu hao TSCĐ	402.529.899	384.805.285
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.774.284.040	5.013.491.520
Chi phí bằng tiền khác	727.471.846	1.870.690.308
	15.653.462.297	15.172.134.637

21. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Tài sản được biếu tặng	2.386.000.000	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản	23.127.273	-
Thu nhập khác	814.854.765	87.553.608
	3.223.982.038	87.553.608

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	16.510.063.240	25.935.989.616
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	278.189.000	285.623.800
Chi phí chiết khấu và chi phí trích trước	8.907.441.143	8.147.211.315
Trừ: Thu nhập không tính thuế		-
Chi phí chiết khấu tạm tính và chi phí trích trước năm trước đã đủ điều kiện ghi nhận năm nay	8.147.211.315	8.445.413.098
Thu nhập chịu thuế	17.548.482.068	25.923.411.633
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.509.696.414	5.015.774.063
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước bổ sung		18.790.332
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.509.696.414	5.034.564.395

Hw

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.152.412.792	20.672.876.602
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	(2.630.482.559)	(4.157.862.980)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.521.930.233	16.515.013.622
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	877	1.376

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	2.240.652.199	1.974.073.800

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 608 m² văn phòng, 55 m² khu vực wc và 31 m² khu vực kho tại Tầng 4, tòa nhà Viện Dầu khí với giá thuê lần lượt là 295.425 VND/m²/năm, 170.437 VND/m²/năm và 200.000 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 3 năm tính từ 01/7/2017.

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty TNHH Toàn Xuân	Cổ đông của Công ty
Công ty TNHH Hồng Thành	Cổ đông của Công ty
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toan Vân	Cổ đông của Công ty
Công ty TNHH Bằng Tuyên	Cổ đông của Công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Hà Nội	Cổ đông của Công ty
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Sâm	Cổ đông của Công ty
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Thương mại Tổng hợp Thanh Sơn	Cổ đông của Công ty
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Nam	Cổ đông của Công ty
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Thanh Hoá	Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Hoá Dầu và Xơ Sợi Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ Phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Công ty cùng Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Đơn vị phụ thuộc Công ty mẹ

Handwritten signature

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	277.042.916.757	396.446.519.508
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ p	21.847.213.809	20.503.010.501
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	2.273.302.610
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	-	354.600.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Thương mại Tổng hợp Thanh Sơn	59.283.238.613	76.106.106.525
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	16.190.908.430	12.723.566.000
Công ty TNHH Toàn Xuân	-	20.090.900.000
Công ty TNHH Hồng Thành	25.458.941.450	32.437.187.400
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toàn Vân	22.316.122.540	23.654.467.114
Công ty TNHH Bằng Tuyên	24.226.254.660	30.911.060.980
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Sâm	-	2.047.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Hà Nội	56.454.319.160	74.433.789.677
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Nam	51.265.918.095	52.235.008.956
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	-	48.676.019.745
Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp	1.184.067.911.769	1.145.135.178.457
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.183.230.061.769	1.018.287.490.000
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	837.850.000	126.847.688.457
Thu nhập của Ban Giám đốc và Chủ tịch Công ty	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	3.502.296.855	4.083.192.709
	3.502.296.855	4.083.192.709

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải thu khách hàng	3.718.991.261	6.025.646.383
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	3.706.484.261	3.484.092.883
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Thương mại Tổng hợp Thanh Sơn	12.507.000	2.541.553.500
Trả trước nhà cung cấp	12.779.211.913	2.456.379.664
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	12.779.211.913	2.456.379.664
Phải thu khác	40.320.000	211.480.260
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	40.320.000	211.480.260
Phải trả nhà cung cấp	104.747.427	6.586.324.931
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	6.586.324.931
Công ty Bảo hiểm PVI TP.Hồ Chí Minh	5.313.247	-
Công ty CP Hóa Phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	64.644.260	-
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	34.789.920	-
Các khoản người mua trả tiền trước	25.959.237	405.584.408
Công ty TNHH Hồng Thành	1.806.000	-
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toàn Ván	7.508.500	186.509.598
Công ty TNHH Bằng Tuyên	5.149.041	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Nam	-	91.693.000
Công ty CP Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	11.149.600	62.346.440
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Thương mại Tổng hợp Thanh Sơn	346.096	65.035.370



Nguyễn Tiến Hưng
Người lập biểu

Ngày 26 tháng 02 năm 2018



Trần Anh Dũng
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Luận
Giám đốc